TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1424/2023/DSST
Ngày: 12/5/2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Chi

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 903/2022/TLST-DS ngày 26/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1156/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1756/2023/QĐST-DS ngày 20/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X

Địa chỉ: Phường 8 (nay là Phường Võ Thị Sáu), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M, sinh năm: 1973 (Giấy ủy quyền số 1905/2020/UQ-TTT ngày 25/12/2020)

Địa chỉ: phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Lê V, sinh năm: 1973

Địa chỉ: phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có người đại diện theo ủy quyền là ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 14/02/2007, ông Nguyễn Lê V có ký với Ngân hàng TMCP X (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Gold số thẻ 472075-6347 với hạn mức sử dụng là 150.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 380.698.585 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 443.434.025 đồng, số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ưu tiên lần lượt các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Vì vậy, việc thanh toán của ông V chưa thực hiện hết đối với khoản tiền nợ gốc của mà ông V sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cấp, ông V còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 119.363.803 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông V vi phạm nghĩa tín dụng của Ngân hàng, nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng ngày 01/04/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thủ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông V, yêu cầu ông V có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông V trả nợ, tuy nhiên ông V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP X kính đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc ông Nguyễn Lê V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/5/2023 là 698.032.648 (Bằng chữ. Sáu trăm chín mươi tám triệu, không trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm bốn mươi tám) đồng trong đó:

+ Nợ gốc: 119.363.803 đồng.

+ Lãi quá hạn : 578.668.845 đồng.

- Ông Nguyễn Lê V có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, việc xuất nhập cảnh, thực hiện niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Lê V để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng ông V không có mặt tại Tòa án nên không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Lê V có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc, lãi cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Nguyễn Lê V đến Tòa án những ông V không có mặt tại Tòa để tham gia tố tụng trong vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do lần thứ hai tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Lã Ngọc M có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án theo quy định tại Điều 237, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 25/12/2020, Ngân hàng TMCP X khởi kiện đối với ông Nguyễn Lê V về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án, theo kết quả xác minh nơi cư trú của Công an phường An Phú, Thành phố Thủ Đức theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 1507/2022/QĐ-CCTLCC ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận 1 có căn cứ xác định ông Nguyễn Lê V có đăng ký thường trú và thực tế sinh sống tại địa chỉ Khu phố 4, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 13/3/2020 (trước thời điểm Ngân hàng khởi kiện). Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

2.2 Xét yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP X về việc buộc ông Nguyễn Lê V phải trả số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử ngày 12/5/2023 là 698.032.648 đồng, bao gồm nợ gốc là 119.363.803 đồng và nợ lãi là 578.668.845 đồng ngay sau khi có bản án có hiệu lực của Tòa án, số tiền lãi sẽ được tiếp tục tính với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thi hành án xong. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp gồm: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 14/02/2007, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và văn bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 25/8/2008, bảng sao kê tín dụng, có căn cứ xác định ông Nguyễn Lê V được Ngân hàng TMCP X cấp thẻ tín dụng với số thẻ 472075-6347 (số thẻ chính 4720754014079894). Do quá trình sử dụng thẻ, ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31/3/2010, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông V, chốt số nợ gốc là 214.363.803 đồng và chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Đến ngày 31/10/2012, ông V thanh toán cho Ngân hàng lần cuối số tiền là 95.000.000 đồng và ngưng thanh toán cho đến nay. Số tiền nợ gốc còn lại là 119.363.803 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán và các mục 2, 18, 19, 22, 23 và 24 bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP X thì ông Nguyễn Lê V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông V phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử ngày 12/5/2023 là 698.032.648 đồng, bao gồm nợ gốc là 119.363.803 đồng và nợ lãi là 578.668.845 đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, số tiền lãi sẽ được tiếp tục tính với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thi hành án xong là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tiền lãi nợ quá hạn được tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 14/02/2007, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và văn bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 25/8/2008 được ký kết giữa Ngân hàng và ông V.

2.3 Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận toàn bộ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB-TVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 14.097.390 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030438

ngày 03/02/2021. Bị đơn là ông Nguyễn Lê V phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên số tiền của nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận, cụ thể: 20.000.000 + (298.032.648 x 4%) = 31.921.306 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 153, Điều 237, Điều 238, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X.

Buộc ông Nguyễn Lê V phải trả cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/5/2023 là 698.032.648 (sáu trăm chín mươi tám triệu không trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm bốn mươi tám) đồng, bao gồm nợ gốc là 119.363.803 đồng và nợ lãi là 578.668.845 đồng, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tiền lãi nợ quá hạn được tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế ngày 14/02/2007, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và văn bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 25/8/2008 được ký kết giữa Ngân hàng và ông V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền 14.097.390 (mười bốn triệu không trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030438 ngày 03/02/2021 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn là ông Nguyễn Lê V phải chịu án phí là 31.921.306 (ba mươi mốt triệu chín trăm hai mươi mốt ngàn ba trăm lẻ sáu) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương